

Nghị quyết số: 255/2025/QH15

NGHỊ QUYẾT

**Về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng
đường bộ cao tốc Vinh - Thanh Thủy**

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14 và Luật số 62/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đường bộ số 35/2024/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 158/2024/QH15 ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025;

Sau khi xem xét Tờ trình số 1059/TTr-CP ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ, Báo cáo thẩm tra số 1626/BC-UBKTTC15 ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban Kinh tế và Tài chính của Quốc hội, Báo cáo số 1254/BC-CP ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ tiếp thu, chỉnh lý và giải trình về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Vinh - Thanh Thủy, các tài liệu liên quan và ý kiến của đại biểu Quốc hội;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1

Quyết định chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Vinh - Thanh Thủy (sau đây gọi là Dự án).

Điều 2

1. Mục tiêu:

Xây dựng tuyến giao thông Đông - Tây hiện đại, đồng bộ nhằm đáp ứng nhu cầu vận tải, tạo động lực và không gian phát triển mới; kết nối Thủ đô Hà Nội, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với Thủ đô Viêng Chăn, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và kết nối với tuyến đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, đường Hồ Chí Minh; nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội vùng, liên vùng và quốc tế; góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh; từng bước thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết của Đảng.

2. Phạm vi, địa điểm, quy mô, hình thức đầu tư:

Đầu tư khoảng 60 km thuộc địa phận tỉnh Nghệ An, theo hình thức đầu tư công, chia thành 10 dự án thành phần; quy mô phân kỳ của từng dự án thành phần được xác định tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

3. Công nghệ:

Dự án áp dụng các công nghệ tiên tiến, hiện đại, bảo đảm yêu cầu an toàn, đồng bộ, chất lượng và hiệu quả. Khuyến khích ứng dụng công nghệ cao trong tổ chức thi công, thích ứng với biến đổi khí hậu. Thực hiện hình thức thu phí điện tử không dừng trong khai thác, vận hành.

4. Sơ bộ nhu cầu sử dụng đất:

Sơ bộ nhu cầu sử dụng đất của Dự án khoảng 648 ha, gồm: đất trồng lúa khoảng 223 ha; đất lâm nghiệp khoảng 368 ha; các loại đất khác theo quy định của pháp luật về đất đai khoảng 57 ha.

Dự kiến diện tích rừng cần chuyển sang mục đích sử dụng khác để thực hiện Dự án khoảng 354,36 ha, trong đó, rừng phòng hộ đầu nguồn khoảng 180 ha.

Thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư toàn tuyến một lần theo quy mô quy hoạch.

5. Sơ bộ tổng mức đầu tư và nguồn vốn:

a) Sơ bộ tổng mức đầu tư của Dự án khoảng 23.940,34 tỷ đồng (*Hai mươi ba nghìn, chín trăm bốn mươi tỷ, ba trăm bốn mươi triệu đồng*);

b) Nguồn vốn ngân sách nhà nước bố trí từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2024; ngân sách trung ương và ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030.

6. Tiến độ thực hiện:

Chuẩn bị đầu tư Dự án năm 2025, thực hiện Dự án năm 2026, hoàn thành công trình đưa vào vận hành, khai thác trong năm 2029.

Điều 3

Dự án được áp dụng các cơ chế, chính sách đặc biệt sau đây:

1. Dự án không phải thẩm định, đánh giá nguồn vốn, khả năng cân đối vốn theo quy định của Luật Đầu tư công;

2. Cho phép áp dụng hình thức chỉ định thầu đối với các gói thầu thuộc Dự án, các gói thầu thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Trình tự, thủ tục chỉ định thầu thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

3. Về bãi đổ chất thải rắn xây dựng và tầng đất mặt của đất chuyên trồng lúa nước:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khu vực bãi đổ chất thải rắn xây dựng trong Hồ sơ khảo sát Dự án và bàn giao mặt bằng cho nhà thầu để đổ chất thải rắn xây dựng của Dự án;

b) Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức quản lý bãi đổ chất thải rắn xây dựng của Dự án theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về bảo vệ môi trường và quy định khác của pháp luật có liên quan;

c) Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức xây dựng phương án sử dụng tầng đất mặt của đất chuyên trồng lúa nước thu hồi từ Dự án. Việc xây dựng phương án sử dụng tầng đất mặt của đất chuyên trồng lúa nước thu hồi từ Dự án thực hiện theo quy định của pháp luật về trồng trọt.

Điều 4

1. Chính phủ chịu trách nhiệm trước Quốc hội trong việc:

a) Triển khai tổ chức thực hiện, quản lý và khai thác, vận hành Dự án theo đúng Nghị quyết này và quy định của pháp luật có liên quan; đôn đốc, kiểm tra địa phương bảo đảm nguồn vốn thực hiện và tiến độ, chất lượng của Dự án; bảo đảm tính chính xác của số liệu liên quan tới Dự án;

b) Lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện Nghị quyết này bảo đảm đúng mục tiêu, công khai, minh bạch và hiệu quả, không để trục lợi chính sách, thất thoát, lãng phí; hằng năm báo cáo Quốc hội tại kỳ họp cuối năm về tình hình thực hiện Dự án; thông tin đầy đủ để người dân hiểu, đồng thuận về chủ trương đầu tư và hỗ trợ triển khai thực hiện Dự án.

2. Chính quyền địa phương chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc bảo đảm tiến độ, chất lượng của Dự án; bảo đảm nguồn vốn ngân sách địa phương tham gia Dự án, xác định số liệu chính xác để thực hiện công tác chuyển đổi mục đích sử dụng rừng.

Điều 5

1. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm tuyên truyền, vận động Nhân dân đồng thuận chủ trương đầu tư Dự án, giám sát việc thực hiện Dự án theo Nghị quyết này.

2. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ủy ban Kinh tế và Tài chính, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban khác của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Dự án theo Nghị quyết này.

3. Kiểm toán nhà nước, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, kiểm toán việc thực hiện Dự án theo Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2025.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI



Trần Thanh Mẫn



PHỤ LỤC

Danh mục các dự án thành phần
thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Vinh - Thanh Thủy
(Kèm theo Nghị quyết số 255/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội)

TT	Dự án thành phần	Chiều dài dự kiến (km)	Quy mô		Sơ bộ tổng mức đầu tư (tỷ đồng)
			Số làn xe	Cấp đường (km/h)	
1	Dự án thành phần 1: Đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Vinh - Thanh Thủy	60,00	4-6	80-100	21.118,08
2	Dự án thành phần 2: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đoạn qua xã Hưng Nguyên	2,63	6		133,05
3	Dự án thành phần 3: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đoạn qua xã Kim Liên	3,05	6		102,79
4	Dự án thành phần 4: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đoạn qua xã Đại Huệ	7,14	6		126,84
5	Dự án thành phần 5: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đoạn qua xã Vạn An	1,70	6		194,61
6	Dự án thành phần 6: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đoạn qua xã Nam Đàn	10,18	6		722,48
7	Dự án thành phần 7: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đoạn qua xã Xuân Lâm	5,90	6		260,01
8	Dự án thành phần 8: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đoạn qua xã Hoa Quân	5,52	6		512,60
9	Dự án thành phần 9: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đoạn qua xã Sơn Lâm	1,83	6		27,00
10	Dự án thành phần 10: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đoạn qua xã Kim Bảng	22,05	6		742,88
Tổng cộng					23.940,34

